

Số: 21 /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 10 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Tỉnh ủy về phương hướng, nhiệm vụ năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 78/SKHĐT-TH ngày 10 tháng 01 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các Thành viên UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ (2);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư lệnh Quân khu 5;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh N.Thuận;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Các cơ quan Đảng, Đoàn thể;
- Các cơ quan thuộc TW;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Văn phòng: TU, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- HĐND các huyện, thành phố;
- VPUB: LĐ, CV;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Quốc Nam



KẾ HOẠCH

**Triển khai những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện
Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 21 /QĐ-UBND ngày 10 /01/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Năm 2022 là năm có ý nghĩa quan trọng, tạo nền tảng thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021-2025. Dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới không đồng đều, chưa vững chắc và có thể thấp hơn năm 2021; áp lực lạm phát, bất ổn thị trường tài chính. Trong nước, kinh nghiệm, năng lực, khả năng ứng phó dịch bệnh tiếp tục được nâng lên, kinh tế vĩ mô vẫn được giữ ổn định, các chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ triển khai chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội sẽ giúp đất nước sớm trở lại trạng thái bình thường và nền kinh tế mau chóng hồi phục. Tuy nhiên, rủi ro lớn nhất vẫn là dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, khó lường; nền kinh tế vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ chậm phục hồi, suy giảm tăng trưởng nếu không kiểm soát được dịch bệnh một cách cơ bản để mở cửa trở lại nền kinh tế; thiên tai, biến đổi khí hậu là nguy cơ thường trực.

Trong Tỉnh, những chủ trương, quyết sách lớn thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp được quyết liệt chỉ đạo triển khai, tiếp tục khai thác và phát huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế; các cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ Tỉnh và những đột phá trong lĩnh vực kinh tế biển, năng lượng tái tạo, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, cùng với đẩy nhanh triển khai một số dự án động lực sẽ tạo cơ hội thu hút các nguồn lực mới, thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh, nhưng cũng còn nhiều khó khăn, thách thức từ tình hình dịch bệnh COVID-19; biến đổi khí hậu; nguồn lực đầu tư công hạn chế; khả năng chậm phục hồi của một số ngành, lĩnh vực, nhất là dịch vụ, du lịch; các chính sách phát triển năng lượng tái tạo chậm ban hành; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu sẽ là những vấn đề mà Tỉnh phải đối mặt trong thực hiện nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh năm 2022.

Trên cơ sở bối cảnh tình hình nêu trên, căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ đã được Tỉnh ủy, HĐND tỉnh thông qua và ban hành Nghị quyết, kế thừa và phát huy những kết quả đạt được; quán triệt phương châm hành động của Chính phủ “**Đoàn kết kỷ cương, chủ động thích ứng, an toàn hiệu quả, phục hồi phát triển**”, Tỉnh đề ra phương châm hành động năm 2022 “**Đoàn kết, thích ứng, sáng tạo, kỷ cương, phát triển, hiệu quả**”, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022 theo tinh thần Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ với các nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT VÀ CÁC TRỌNG TÂM CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH NĂM 2022

1. Mục tiêu tổng quát: Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19, bảo vệ tối đa sức khỏe, tính mạng Nhân dân; tận dụng tốt cơ hội để thúc đẩy phục hồi phát triển kinh tế - xã hội gắn với hỗ trợ và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng suất lao động. Đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm, động lực; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển. Bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống Nhân dân. Quản lý chặt chẽ đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; sắp xếp tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế; nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành và thực thi pháp luật; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Các trọng tâm chỉ đạo điều hành:

(1) Tiếp tục bám sát và triển khai có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XIV; các Nghị quyết chuyên đề đã ban hành trong năm 2021; các chủ trương, chính sách của Trung ương và Tỉnh ủy; Tổ chức triển khai, kịp thời cụ thể hóa Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ đảm bảo khả thi, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

(2) Triển khai các giải pháp thích ứng, an toàn, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19, tiếp tục đẩy nhanh tiêm vaccin; kiên định thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp, hiệu quả để thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế. Hỗ trợ người dân và doanh nghiệp do ảnh hưởng dịch COVID-19; hỗ trợ duy trì và khôi phục sản xuất; chuyển đổi số cho doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

(3) Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, cơ cấu lại từng ngành, lĩnh vực thực chất, hiệu quả. Tập trung chỉ đạo quyết liệt các giải pháp đột phá vào các ngành còn dư địa để tạo động lực cho tăng trưởng cho năm 2022, gồm: (1) Sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; (2) năng lượng tái tạo, năng lượng sạch; (3) sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo; (4) phục hồi và phát triển các ngành dịch vụ, du lịch theo lộ trình bảo đảm thích ứng an toàn, linh hoạt phòng chống dịch COVID-19; (5) triển khai các dự án trọng điểm để thúc đẩy đầu tư, tạo tăng trưởng cho ngành xây dựng nhất là dự án giao thông, thủy lợi, đô thị, du lịch.

(4) Tạo cơ chế thu hút nguồn lực thông qua công tác quản lý và huy động tốt nhất các nguồn lực cho đầu tư phát triển, nhất là nguồn lực đất đai, tài nguyên, khoáng sản, nguồn lực các thành phần kinh tế để khai thác hiệu quả các nhóm ngành đột phá, trụ cột; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân.

(5) Thực hiện có hiệu quả các giải pháp tăng thu ngân sách, chống thất thu, nợ đọng thuế, siết chặt quản lý thu chi, chặt chẽ, hiệu quả, đồng thời rà soát cắt giảm một số khoản chi thường xuyên không cần thiết, tập trung nguồn lực chi cho

đầu tư phát triển, nhất là các công trình trọng điểm, có quy mô lớn, có tác động lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

(6) Bảo đảm an sinh xã hội, an dân, khôi phục sản xuất kinh doanh, tạo việc làm ổn định cho lao động, nâng cao thu nhập và đời sống cho người dân. Bảo đảm ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

(7) Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và của cán bộ, công chức, viên chức. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công vụ, hội họp; đẩy nhanh xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

(8) Triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ trong thực hiện Nghị quyết 115/NQ-CP của Chính phủ. Tăng cường và nâng cao hiệu quả hợp tác, liên kết phát triển với các tỉnh, thành phố trong nước và nước ngoài.

(9) Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao hiệu quả công tác dân vận trong các cơ quan, đơn vị hành chính các cấp tạo đồng thuận xã hội; đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, nhân rộng các điển hình, mô hình tiên tiến trên tất cả các lĩnh vực của đời sống.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2022

Trên cơ sở mục tiêu tổng quát, nhiệm vụ trọng tâm chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đề ra 12 nhóm nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu với 21 nhiệm vụ trọng tâm đột phá và 177 nhiệm vụ cụ thể, gồm:

1. Tập trung thực hiện linh hoạt, hiệu quả mục tiêu vừa phòng, chống dịch COVID-19, vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội

1.1. Tập trung kiểm soát có hiệu quả tình hình dịch COVID-19 để phục hồi phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao năng lực của hệ thống y tế; thúc đẩy mạnh mẽ, quyết liệt hơn nữa việc tiêm vaccine phòng COVID-19, bảo đảm an toàn, khoa học, hiệu quả; phấn đấu **chậm nhất trong Quý I/2022** hoàn thành tiêm mũi 3 cho người từ 12 tuổi trở lên và chuẩn bị các điều kiện để tiêm cho trẻ từ 5 đến 11 tuổi góp phần tăng cường miễn dịch cộng đồng và ngăn chặn dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh nhất là biến chủng mới Omicron.

1.2. Tập trung triển khai quyết liệt Kế hoạch số 6744/KH-UBND ngày 11/12/2021 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP của Chính phủ về các biện pháp thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 và các hướng dẫn của Trung ương nhằm bảo đảm tối đa lưu thông hàng hóa, lao động trở lại phục vụ việc phục hồi các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

1.3. Triển khai có hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ, Kế hoạch số 6676/KH-UBND ngày 07/12/2021 của UBND tỉnh về phục hồi và tăng trưởng kinh tế - xã hội trong bối cảnh thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19, phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng GRDP từ 10 - 11% trong năm 2022.

1.4. Triển khai kịp thời có hiệu quả các chính sách tài khóa, tiền tệ của Chính phủ hỗ trợ đối tượng chịu tác động nặng nề do COVID-19, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, cắt giảm chi phí cho Doanh nghiệp. Duy trì và khôi phục sản xuất để giữ đơn hàng, chuỗi cung ứng; hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

1.5. Tiếp tục đổi mới phương thức xúc tiến thương mại thông qua đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; tổ chức chương trình xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu trực tuyến. Triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại tại chỗ tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin chính sách thị trường xuất khẩu.

1.6. Thúc đẩy tiêu dùng nội địa, phấn đấu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2022 tăng từ 15-16%. Tập trung theo dõi, phân tích dự báo thị trường, kịp thời có giải pháp ứng phó khi thị trường có biến động bất thường, bảo đảm nguồn cung ứng hàng hóa thiết yếu, nguyên, nhiên vật liệu phục vụ cho sản xuất, không để đứt gãy chuỗi cung ứng.

1.7. Huy động tối đa các nguồn lực cho yêu cầu phát triển, phấn đấu hoàn thành mục tiêu năm 2022 đạt 30.000-30.500 tỷ đồng, ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước để tập trung nâng cao năng lực hệ thống y tế và thực hiện các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách khác. Lấy đầu tư công dẫn dắt, huy động tối đa nguồn lực đầu tư xã hội với hình thức đầu tư đa dạng, phù hợp, tập trung và ưu tiên đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng thiết yếu để thúc đẩy phát triển.

1.8. Triển khai có hiệu quả các chính sách tín dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ, các lĩnh vực, ngành kinh tế trọng điểm của Tỉnh.

1.9. Thực hiện nghiêm các quy định của Luật Quản lý thuế, chống thất thu, chuyển giá, trốn thuế, gian lận thương mại; thu hồi các khoản nợ thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế, phấn đấu tăng thu ngân sách nhà nước để bổ sung nguồn lực cho phòng, chống dịch COVID-19 và phục hồi kinh tế; thực hiện nghiêm quy định về quản lý và sử dụng hóa đơn điện tử; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thuế, tạo môi trường thuận lợi, rõ ràng, minh bạch cho người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ với NSNN; thực hiện nghiêm quy định về đấu giá khi thực hiện bán, chuyển nhượng, cho thuê tài sản công, giao đất, cho thuê đất theo quy định pháp luật.

1.10. Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, ưu tiên cho công tác phòng, chống dịch và các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách. Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi NSNN theo dự toán giao, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định. Kiên quyết cắt giảm những khoản chi thường xuyên ngân sách đã được giao trong dự toán đầu năm, nhưng chưa thực hiện phân bổ theo quy định.

1.11. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra kiểm soát giá cả thị trường, kiên quyết xử lý các hành vi tăng giá bất hợp lý, nhất là đối với các nguyên vật liệu quan trọng và các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu.

2. Xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thi hành pháp luật

2.1. Tiếp tục bám sát và triển khai có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XIV. Quán triệt, cụ thể hóa kịp thời các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương; Nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Nghị quyết, kết luận của Tỉnh ủy. Ban hành các cơ chế, chính sách để triển khai có hiệu quả các Đề án, Chương trình, Nghị quyết Tỉnh ủy mới ban hành.

2.2. Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các thể chế, nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết 115/NQ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ, kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 416/TB-VPCP ngày 29/10/2018 của Văn phòng Chính phủ, các Chương trình, Kế hoạch triển khai của Tỉnh về các cơ chế chính sách đặc thù hỗ trợ Tỉnh giai đoạn 2018-2023.

2.3. Tổ chức thực hiện kịp thời, có hiệu quả các Luật được Quốc hội thông qua, Nghị định hướng dẫn của Chính phủ, nhất là các văn bản quy định pháp luật mới ban hành để tháo gỡ khó khăn cho đầu tư, kinh doanh. Tiếp tục đa dạng hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật gắn với chuyển đổi số.

2.4. Tập trung rà soát, hoàn thiện các quy định pháp luật không còn phù hợp, chồng chéo hoặc chưa đầy đủ, có vướng mắc, bất cập trên các lĩnh vực về quy hoạch, đầu tư, kinh doanh, đất đai, tài chính, ngân sách, thuế... theo hướng vướng mắc ở cấp, ngành nào thì cấp, ngành đó chủ động, tích cực rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, hoàn thiện; nghiên cứu khẩn trương sửa đổi, thay thế các cơ chế, chính sách không còn phù hợp với thực tiễn để tháo gỡ điểm nghẽn.

2.5. Tăng cường công tác thi hành pháp luật; thực hiện nghiêm Luật ban hành văn bản, nâng cao chất lượng công tác xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý, giải quyết kịp thời yêu cầu của người dân và doanh nghiệp. Tăng cường quản lý nhà nước trong lĩnh vực hành chính tư pháp, đăng ký giao dịch bảo đảm, bồi thường nhà nước và xử lý vi phạm hành chính.

2.6. Thúc đẩy chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, xây dựng nền kinh tế số, xã hội số thiết thực, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm. Ban hành cơ chế, chính sách của Tỉnh để hỗ trợ, thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp chuyển đổi số toàn diện, hiệu quả phù hợp với môi trường số; tạo môi trường, điều kiện thuận lợi thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tái cấu trúc quy trình, đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp.

2.7. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2026, Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2021-2025. Đẩy nhanh xây dựng Chính quyền số, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc. Triển khai có hiệu quả các quy định mới về nền hành chính công vụ minh bạch, liêm chính; ngăn chặn, xử lý có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

3. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số

3.1. Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, phấn đấu giải ngân 100% Kế hoạch vốn năm 2022

- Thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về đầu tư công, nâng cao chất lượng công tác xây dựng kế hoạch, đảm bảo phù hợp với năng lực và khả năng thực hiện của các dự án; khẩn trương, quyết liệt, hiệu quả trong chuẩn bị đầu tư, phân bổ vốn; tập trung tháo gỡ vướng mắc, tăng cường hiệu quả tổ chức thực hiện theo nguyên tắc hậu kiểm, phấn đấu giải ngân hết 100% kế hoạch vốn đầu tư công. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm, chương trình mục tiêu quốc gia.

- Triển khai Chương trình xúc tiến đầu tư năm 2022; đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư các thành phần kinh tế, tháo gỡ điểm nghẽn về đất đai, thủ tục hành chính, thuế, xây dựng, quy hoạch... trong thu hút đầu tư, xúc tiến đầu tư có chọn lọc, hiệu quả, tập trung vào các lĩnh vực tỉnh có lợi thế như công nghiệp ven biển, năng lượng tái tạo, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, khu đô thị mới, kinh tế biển; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, kiên quyết xử lý các dự án chậm tiến độ, kéo dài.

- Tập trung tháo gỡ vướng mắc, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; đẩy mạnh triển khai hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), ưu tiên hỗ trợ chuyển đổi số, công nghệ và tư vấn cho DNNVV; hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, tập trung vào các ngành sản xuất, chế biến nông lâm thủy sản, công nghiệp chế biến, chế tạo, ngành có tiềm năng phát triển cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị gắn với phát triển kinh tế của tỉnh.

3.2. Thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại DNNN, đơn vị sự nghiệp công lập

- Tập trung đánh giá, phân loại, sắp xếp lại, thoái hóa vốn DNNN theo Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định có liên quan. Thực hiện phương án sắp xếp cơ sở nhà đất để lựa chọn thời điểm thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn phù hợp, bảo đảm đúng tiến độ, công khai, minh bạch, tránh thất thoát vốn, tài sản nhà nước.

- Tiếp tục quán triệt, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khoá XII, trong đó trọng tâm là tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách về tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức sắp xếp, giảm đầu mối, giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN; tăng số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính ở mức cao hơn, giảm chi trực tiếp từ NSNN cho các đơn vị sự nghiệp công lập.

3.3. Cơ cấu lại và xử lý nợ xấu các tổ chức tín dụng

- Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 sau khi Trung ương phê duyệt.

- Triển khai các biện pháp kiểm soát và hạn chế nợ xấu phát sinh, phấn đấu duy trì tỷ lệ nợ xấu dưới 3% bảo đảm an toàn hệ thống.

- Triển khai các giải pháp chuyển đổi mô hình kinh doanh của tổ chức tín dụng theo hướng ứng dụng công nghệ hiện đại, đa dịch vụ; đẩy mạnh chuyển đổi số vào các hoạt động, nghiệp vụ ngân hàng số, tạo điều kiện hỗ trợ tối đa cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận các dịch vụ ngân hàng hiện đại một cách an toàn, thuận lợi.

3.4. Tiếp tục cơ cấu lại NSNN, tăng cường quản lý nợ công

- Tiếp tục cơ cấu lại ngân sách nhà nước, tăng cường kỷ luật tài chính, quản lý thu chi ngân sách, chống thất thu, chuyển giá, trốn thuế, thu hồi nợ thuế, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời; khai thác có hiệu quả nguồn thu đất đai, tài nguyên, khoáng sản; tổ chức bán đấu giá các cơ sở nhà đất tạo nguồn thu ngân sách, phấn đấu thu ngân sách trên địa bàn năm 2022 vượt kế hoạch đề ra. Triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch tài chính 5 năm 2021-2025.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của quỹ tài chính nhà nước ngoài NSNN nhất là quỹ đầu tư phát triển; thực hiện lộ trình cơ cấu lại, sáp nhập, giải thể đối với quỹ hoạt động không hiệu quả theo tinh thần của Nghị quyết 792/NQ-UBTVQH14 ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3.5. Đẩy mạnh cơ cấu lại gắn với phát triển các ngành lĩnh vực theo hướng nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế, thúc đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực.

- Nông lâm nghiệp và thủy sản: Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ 1300-1500 ha theo hướng hiệu quả kinh tế cao, tiết kiệm nước. Tiếp tục đầu tư 02 vùng nông nghiệp công nghệ cao tôm giống và rau an toàn An Hải, xúc tiến kêu gọi đầu tư vùng nông nghiệp công nghệ cao Thành Sơn-Phước Nhơn; thúc đẩy chuyển đổi số ngành nông nghiệp theo hướng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp số; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, hiệu quả, giá trị cao. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; bảo vệ, bảo tồn những giá trị tài nguyên rừng và biển Khu dự trữ sinh quyển thế giới Vườn Quốc gia Núi Chúa; nhân rộng các mô hình làm giàu từ kinh tế rừng, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng. Tiếp tục phát huy thương hiệu tôm giống gắn với áp dụng công nghệ cao và ứng dụng khoa học công nghệ trong nuôi trồng các loại thủy sản có giá trị cao, thủy sản biển sâu.

- Sản xuất công nghiệp: Tiếp tục cơ cấu lại ngành công nghiệp theo hướng phát triển mạnh công nghiệp năng lượng (năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, điện khí), công nghiệp chế biến, chế tạo... Triển khai có hiệu quả Đề án xây dựng Ninh Thuận thành trung tâm năng lượng sạch, năng lượng tái tạo của cả nước; hoàn thành Đề án quy hoạch điện gió trên biển; tiếp tục tham mưu kiến nghị Chính phủ chủ trương thay thế quy mô công suất nguồn điện hạt nhân 4.600 MW bằng nguồn điện khí LNG tại Trung tâm điện lực Cà Ná và cập nhật, bổ sung vào Quy hoạch điện VIII nhằm phát triển Trung tâm Điện lực LNG Cà Ná với quy mô công suất 6.000 MW và đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng lưới điện truyền tải 500 KV để

giải tỏa công suất các dự án năng lượng. Tập trung đẩy nhanh tiến độ các dự án năng lượng tái tạo đang triển khai, phân đầu năm 2022 hoàn thành hòa lưới 417 MW và khởi công 699 MW¹; hoàn thành dự án cảng biển tổng hợp Cà Ná (giai đoạn 1); khởi công dự án tổ hợp điện khí Cà Ná giai đoạn 1 - 1.500MW và Khu công nghiệp Cà Ná. Tập trung xử lý đẩy nhanh tiến độ triển khai đầu tư hạ tầng và nâng tỷ lệ lấp đầy các KCN Du long, Phước Nam và Cụm công nghiệp Quảng Sơn, triển khai đầu tư hạ tầng Cụm Công nghiệp Hiếu Thiện. Ưu tiên thu hút phát triển công nghiệp chế biến theo chiều sâu, triển khai dự án công nghiệp chế biến và hóa chất sau muối. Tiếp tục quan tâm hỗ trợ phát triển các làng nghề tiểu thủ công nghiệp gắn với phát triển du lịch.

- Phát triển các ngành dịch vụ, du lịch: Tập trung ưu tiên các biện pháp phòng, chống và kiểm soát dịch; khắc phục khó khăn, khôi phục hoạt động kinh doanh, nhất là trong lĩnh vực du lịch, lưu trú, vận tải, nghiên cứu và vận hành các mô hình dịch vụ an toàn thích ứng với dịch bệnh.

+ Triển khai có hiệu quả Kế hoạch tổ chức hoạt động du lịch thích ứng an toàn, linh hoạt, đảm bảo phòng, chống COVID-19, ưu tiên thực hiện phát triển du lịch nội địa với chương trình “Người Việt Nam đi du lịch Việt Nam”, coi du lịch nội địa là cơ sở cho phát triển lại du lịch theo hướng “du lịch xanh - du lịch an toàn”. Cho phép các cơ sở lưu trú du lịch, các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch đảm bảo các điều kiện phòng, chống dịch COVID-19 và tiêm đủ 2 mũi vắc xin cho người lao động được mở cửa hoạt động. Kích cầu du lịch thu hút du khách; đa dạng hóa sản phẩm du lịch; hợp tác với các tỉnh lân cận để xây dựng các chương trình, tuyến du lịch hấp dẫn du khách; hỗ trợ các doanh nghiệp du lịch đẩy mạnh đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến, quảng bá du lịch.

+ Chú trọng phát triển thương mại điện tử; thực hiện tốt chương trình “đưa hàng Việt về nông thôn”, “người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; tận dụng các cơ chế, chính sách của Hiệp định thương mại tự do để thúc đẩy xuất khẩu. Tổ chức các Hội chợ, triển lãm thương mại, hội nghị kết nối cung cầu, chương trình kết nối các sản phẩm đặc thù, sản phẩm OCOP của tỉnh.

3.6. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng KHCN hướng tới kinh tế số, kinh tế xanh...

Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; đẩy mạnh, ứng dụng, phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số vào tổ chức quản lý và phương thức hoạt động của nền kinh tế. Khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển tại tỉnh ưu tiên các lĩnh vực như thương mại điện tử, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, học trực tuyến,...; hỗ trợ các thủ tục liên quan như bảo hộ sở hữu trí tuệ, thủ tục thuế, hải quan, bảo hiểm nhanh chóng

¹ Tổng số dự án trong năm 2022: 19 dự án/1.170 MW, trong đó Dự án đầu tư vận hành gồm 10 dự án/471 MW (ĐG Habaram/93MW; ĐMT Thiên Tân 1.2, 1.3, 1.4/200MW; ĐMT Phước Thái 2, 3/120MW; ĐG Công Hải 1,2/28MW; thủy điện Mỹ Sơn/20MW; thủy điện Tân Mỹ/10MW) và Dự án triển khai đầu tư gồm 09 dự án/699 MW (ĐMT Phước Hữu 2/184MW; Phước Trung/40MW; Thiên tân 2.1/192 MW; Thiên tân 2.2/60MW; ĐG Power/30MW; Enfinity/76 MW; ĐG Phước Hữu/50MW; ĐG Đầm Nại 3,4/67MW).

và đơn giản. Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong ngành tài chính, ngân hàng, viễn thông, thương mại, du lịch, bất động sản...

Đẩy nhanh số hóa dữ liệu phục vụ hoạt động của các cơ quan Nhà nước bảo đảm tập trung, thông suốt; đẩy mạnh hợp trực tuyến, hợp không giấy, ký số...; tạo lập dữ liệu mở trên hầu hết các lĩnh vực quản lý nhà nước, phương pháp phục vụ doanh nghiệp, người dân truy cập, khai thác, sử dụng tối đa.

4. Phát triển nhanh hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại

4.1. Hạ tầng giao thông, cảng biển: Xây dựng hệ thống giao thông đồng bộ, theo hướng hiện đại tạo thành mạng lưới giao thông hợp lý, tính kết nối cao, tạo động lực lan tỏa để thúc đẩy các ngành, lĩnh vực, vùng động lực phát triển. Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án Đường cao tốc Bắc - Nam (đoạn qua tỉnh), thi công hoàn thành các đoạn còn lại trên địa bàn huyện Ninh Sơn và thành phố Phan Rang - Tháp Chàm thuộc Quốc lộ 27. Tập trung đầu tư hoàn thành Đường đôi vào hai đầu thành phố Phan Rang-Tháp Chàm (đoạn phía Nam), đẩy nhanh tiến độ đường Văn Lâm - Sơn Hải, tuyến đường giao thông liên vùng từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, Lâm Đồng; triển khai các bước thực hiện đường nối từ cao tốc Bắc Nam với Quốc lộ 1 và Cảng biển tổng hợp Cà Ná; một số tuyến đường giao thông đến các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung; tiếp tục hoàn thiện hệ thống giao thông nông thôn, miền núi; Đầu tư hoàn thành giai đoạn 1 cảng biển nước sâu Cà Ná có khả năng tiếp nhận tàu có trọng tải đến 100.000 DWT, đưa vào khai thác hoạt động hiệu quả Bến 1A đã hoàn thành.

4.2. Hạ tầng thủy lợi: Tập trung đầu tư hoàn thành Hồ chứa nước Sông Than, khởi công Kênh chuyên nước Tân Giang - Sông Biêu để phát huy tốt nhất hiệu quả các hồ chứa đã đầu tư. Tiếp tục triển khai các chương trình, đề án đầu tư phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai của Chính phủ nhằm hạn chế tác động xấu của biến đổi khí hậu, nhất là các xã vùng ven biển, vùng cửa sông; tranh thủ các chương trình hỗ trợ của Chính phủ và huy động các nguồn tài trợ ODA để đầu tư các công trình đê, kè bảo vệ bờ sông, bờ biển, chống sạt lở.

4.3. Hạ tầng năng lượng: Đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định cho năm 2022. Xúc tiến đẩy nhanh tiến độ các công trình trạm biến áp và đường dây 500kV, 220kV; phát triển công trình trạm biến áp và đường dây 110kV để đáp ứng nhu cầu truyền tải, giải tỏa công suất cho các dự án năng lượng tái tạo, nhằm thực hiện mục tiêu đưa Ninh Thuận trở thành một trong những Trung tâm năng lượng tái tạo, năng lượng sạch của cả nước.

4.4. Hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Tiếp tục triển khai đầu tư kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp Thành Hải, Du Long, Phước Nam, Cà Ná tạo điều kiện thu hút các dự án thứ cấp; hoàn thành đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Quảng Sơn, khởi công đầu tư hạ tầng Cụm Công nghiệp Hiếu Thiện; thu hút kêu gọi đầu tư hạ tầng dịch vụ logistics tại Cảng biển Cà Ná.

4.5. Hạ tầng thương mại: Triển khai thực hiện quy trình thủ tục quy hoạch phân khu xây dựng Dự án “Trung tâm Logistisc hạng II”; Dự án Kho xăng dầu tại khu vực Cà Ná để xúc tiến kêu gọi đầu tư.

4.6. Hạ tầng đô thị: Tập trung đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị trọng điểm theo hướng văn minh, hiện đại, trước mắt tập trung đầu tư hoàn thành Dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải giai đoạn 2 - tiểu dự án thành phố Phan Rang - Tháp Chàm; khắc phục tình trạng ngập úng cục bộ các tuyến đường nội thị, các khu dân cư. Tích cực chuẩn bị triển khai theo lộ trình dự án Cải thiện môi trường đô thị các thành phố loại 2; phát triển hệ thống cây xanh từng bước đồng bộ, tương ứng với quy mô dân số và nhu cầu phát triển, góp phần hoàn thiện cảnh quan đô thị.

4.7. Hạ tầng thông tin số: Tập trung đầu tư xây dựng Ninh Thuận trở thành trung tâm phát triển doanh nghiệp công nghệ số, chuyển đổi số toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội; xây dựng chính quyền số, nâng cao năng lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, đảm bảo người dân được hưởng các dịch vụ công một cách nhanh chóng, thuận tiện trên cơ sở hạ tầng thông tin số rộng khắp.

4.8. Hạ tầng văn hóa, xã hội: Quan tâm hoàn thiện hạ tầng văn hóa, xã hội bảo đảm đồng bộ. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất giáo dục đào tạo, cơ sở trường lớp theo hướng kiên cố hóa, đạt chuẩn quốc gia, bảo đảm đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động y tế, tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia cung cấp dịch vụ y tế theo hướng đa dạng hoá, nhất là các cơ sở khám, chữa bệnh chất lượng cao. Tập trung đầu tư các công trình văn hóa, thể thao quan trọng, xây dựng, nâng cấp các thiết chế văn hóa, các điểm sinh hoạt cộng đồng. Đầu tư hạ tầng du lịch sinh thái tại Vườn Quốc gia Núi Chúa để phát huy các tiềm năng du lịch.

5. Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, phát triển nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo

5.1. Tiếp tục thực hiện chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo gắn với công tác rà soát, sắp xếp mạng lưới trường lớp học, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên; tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trường lớp học, phấn đấu có 55-56% trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia; nâng cao chất lượng giáo dục các cấp học; đẩy mạnh phân luồng học sinh sau THCS. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học, nâng cao chất lượng dạy và học trực tuyến; tổ chức triển khai hiệu quả kế hoạch, phương án dạy học trực tiếp, sớm đưa học sinh trở lại trường gắn với đảm bảo an toàn trong phòng, chống dịch COVID-19.

5.2. Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là triển khai có hiệu quả Đề án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực các ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; tăng nhanh tỷ lệ lao động qua đào tạo. Hỗ trợ và nhân rộng các mô hình đào tạo nghề và giải quyết việc làm tại chỗ có hiệu quả ở các địa phương, đặc biệt là các làng nghề truyền thống. Đầu tư phát triển nhanh trường Cao Đẳng nghề Ninh Thuận trở thành cơ sở đào tạo trọng điểm của khu vực. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo nhân lực; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp, xúc tiến hợp tác với các tổ chức có uy tín, có thương hiệu thành lập cơ sở đào tạo tại Tỉnh. Triển khai mô hình hợp tác 03 bên Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp; đa dạng hóa các hình thức đào tạo nhằm tạo điều kiện cho người lao động có nhiều cơ hội học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, từng bước hình thành

đội ngũ nhân lực lành nghề, có chất lượng trong tất cả các ngành, lĩnh vực. Chú trọng đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động, phần đầu tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 64-65%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ là 27-28%.

5.3. Triển khai có hiệu quả Chương trình ứng dụng và Phát triển khoa học - công nghệ, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Đẩy mạnh ứng dụng, làm chủ và cải tiến công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ sạch, thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào các lĩnh vực của đời sống xã hội; nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, phục vụ thiết thực các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; phát huy năng lực sáng tạo của mọi các nhân, doanh nghiệp, tổ chức; tiếp tục triển khai nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao, nhân rộng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

6. Thúc đẩy phát triển liên kết vùng và phát triển đô thị, kinh tế đô thị, đẩy nhanh tiến độ lập, phê duyệt các quy hoạch

6.1. Hoàn thành trình phê duyệt và triển khai Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; hoàn thành các Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch ven biển phía Nam đến năm 2040, Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Ninh Chữ đến năm 2040; triển khai xây dựng Đề án bổ sung vùng kinh tế trọng điểm phía Nam vào Quy hoạch khu kinh tế ven biển của cả nước; hoàn thành Quy hoạch phân khu Quy hoạch đô thị du lịch ven biển phía Nam tỉnh để khuyến khích thu hút đầu tư.

6.2. Triển khai có hiệu quả Đề án phát triển kinh tế đô thị, xây dựng Phan Rang-Tháp Chàm thành Thành phố thông minh; đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các Đề án quy hoạch xây dựng. Khởi công các đô thị mới Phủ Hà, Đàm Cà Ná, Mỹ Phước, Sông Dinh...; tiếp tục phát triển một số khu đô thị mới theo Quy hoạch, Chương trình phát triển nhà ở đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; phát triển mạnh thị trường bất động sản; thực hiện tốt chính sách nhà ở xã hội.

7. Phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; phát huy giá trị văn hoá, con người Việt Nam

7.1. Tiếp tục xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh; thực hiện tốt văn hóa cơ sở, nâng cao chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng gia đình, làng, xã, phường, cơ quan công sở văn hoá. Tổ chức hiệu quả, thiết thực các hoạt động kỷ niệm 30 năm ngày tái lập tỉnh.

7.2. Triển khai đầy đủ, công khai, minh bạch, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, chính sách người có công, hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19; chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, nhất là trong dịp Tết Nguyên Đán Nhâm Dần 2022. Tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời chính sách giảm nghèo, duy trì mức giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) khoảng 1,5-2%; thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc và miền núi. Triển khai có hiệu quả Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

7.3. Mở rộng bao phủ và phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, nhất là bảo hiểm xã hội tự nguyện, nâng tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt mức 92%. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Phấn đấu giảm số đối tượng hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần, giảm tình trạng trốn đóng, chậm đóng bảo hiểm xã hội. Tăng cường công tác giám sát về tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, xử lý kịp thời khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

7.4. Triển khai đồng bộ, kịp thời, hiệu quả chính sách hỗ trợ người lao động; thực hiện giải pháp, chính sách giải quyết việc làm cho người lao động; hình thành bộ phận dự báo nhu cầu nguồn nhân lực, cung cấp thông tin cho các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có nhu cầu. Hoàn thiện các trang website để hỗ trợ các tiện ích phục vụ kết nối cung, cầu lao động với các Trung tâm Dịch vụ việc làm trong khu vực và Cục việc làm. Tiếp tục thực hiện và nâng cao chất lượng các phiên giao dịch việc làm, lồng ghép các phiên giao dịch việc làm online với các tỉnh vào cùng các phiên giao dịch việc làm định kỳ; tiếp tục tổ chức tốt các phiên giao dịch việc làm di động tại các địa phương, các trường, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

7.5. Nâng cao năng lực hệ thống y tế, nhất là y tế dự phòng và y tế cơ sở, phấn đấu trong năm 2022 có 10,4 bác sỹ trên 10.000 dân. Tiếp tục tăng cường năng lực chủ động phòng, chống dịch bệnh, nhất là dịch bệnh COVID-19; cảnh giác tuyệt đối không được chủ quan, lơ là, bảo đảm an toàn và hiệu quả; có kịch bản, phương án đối phó với mọi tình huống với biến chủng mới Omicron; ngăn chặn triệt để nguy cơ lây nhiễm xâm nhập từ bên ngoài. Tiếp tục mở rộng chương trình hợp tác và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế; thực hiện các giải pháp để nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng mức độ hài lòng của người bệnh. Thực hiện tốt chương trình tiêm chủng mở rộng và đẩy nhanh tiến độ tiêm vắc xin phòng chống COVID-19 bao phủ toàn dân.

7.6. Triển khai thực hiện hiệu quả chính sách pháp luật và các chương trình, đề án lĩnh vực trẻ em giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 đã ban hành. Xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh để trẻ em được phát triển toàn diện, bảo đảm thực hiện ngày càng tốt hơn quyền của trẻ em. Chủ động thực hiện các giải pháp phòng ngừa, kiểm soát và giảm thiểu nguy cơ trẻ em bị bạo lực, xâm hại; giảm tai nạn, thương tích ở trẻ em; giảm thiểu lao động trẻ em. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, giáo dục kiến thức pháp luật, kỹ năng về thực hiện quyền trẻ em. Tổ chức thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030, Chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2030.

7.7. Tiếp tục triển khai thực hiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. Tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo tham gia tuyên truyền, vận động, thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh, phát triển kinh tế, xã hội, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

7.8. Đẩy mạnh phong trào thể dục - thể thao quần chúng, nâng cao chất lượng hoạt động phát thanh truyền hình. Triển khai hiệu quả chương trình, chính sách về phòng, chống tệ nạn xã hội; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao

nhận thức về công tác phòng, chống tệ nạn xã hội, góp phần bảo đảm an ninh, an toàn, trật tự xã hội.

8. Quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

8.1. Triển khai thực hiện có hiệu quả Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện thời kỳ 2021-2025 và kế hoạch sử dụng đất năm 2022. Triển khai quyết liệt Đề án tăng thu ngân sách từ đất đai, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, nhất là các dự án trọng điểm, cấp bách và tổ chức triển khai Nghị quyết của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến 2030. Tăng cường công tác quản lý, sử dụng đất, khai thác tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường, chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng; chú trọng bảo vệ, phát triển các loại rừng, nâng cao chất lượng rừng, bảo đảm độ che phủ rừng năm 2022 đạt 47,1%.

8.2. Tổ chức thực hiện công tác điều tra cơ bản tài nguyên khoáng sản biển, môi trường biển trên địa bàn tỉnh và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế biển đến năm 2025; chú trọng phát triển các ngành kinh tế biển, điện gió ngoài khơi.

8.3. Tập trung triển khai Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; chú trọng các giải pháp ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, phục hồi các hệ sinh thái. Triển khai có hiệu quả “Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050” tại Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút đầu tư xử lý, tái chế chất thải, rác thải với mô hình công nghệ phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường, bảo đảm 100% các khu, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường. Phát triển hệ thống quan trắc, giám sát môi trường dựa trên giải pháp thông minh. Đẩy mạnh thực hiện cải thiện môi trường, bảo vệ phục hồi hệ sinh thái.

8.4. Tiếp tục triển khai xử lý nước thải bền vững các xã ven biển; quản lý, thu gom rác thải biển, nhất là rác thải nhựa; nâng cao chất lượng môi trường biển; triển khai xử lý rác thải ở khu vực làng nghề, các xã ven biển, dân cư nông thôn gắn với nông thôn mới. Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án quản lý rác thải bền vững tại khu vực bãi biển Bình Sơn - Ninh Chữ.

8.5. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiệt hại thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng trên cơ sở ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến. Đẩy mạnh các biện pháp phòng, chống biển xâm thực, xói lở bờ biển, ngập lụt, xâm nhập mặn.

9. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; siết chặt kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí

9.1. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính đến năm 2025; Chỉ thị số 18-CT/TU ngày 11/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng trong thực hiện các giải pháp nâng cao chỉ số PCI của tỉnh giai đoạn 2021-2025; cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả hoạt động Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. Đẩy mạnh

ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo điều hành, hội họp. Đẩy nhanh tiến trình xây dựng chính quyền số, xã hội số; Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao các chỉ số đánh giá cấp Tỉnh (PAR INDEX, PAPI, SIPAS, PCI, ICT, DDCI...).

9.2. Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định của Chính phủ. Sắp xếp, tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đi đôi với xác định vị trí việc làm. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 29/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch số 94-KH/TU ngày 15/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 29/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm sai phạm trong thực thi công vụ; tăng cường thực hiện văn hóa công vụ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

9.3. Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra phòng chống tham nhũng, lãng phí; hoạt động thanh tra chuyên ngành tập trung vào những lĩnh vực dễ phát sinh sai phạm, tiêu cực, tham nhũng và vấn đề gây bức xúc trong đời sống xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo.

10. Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

10.1. Bảo đảm quán triệt đầy đủ nhiệm vụ kết hợp quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, đồng thời tăng cường thực hiện nghiêm túc, hiệu quả nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trong tình hình mới; kịp thời phát hiện, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh thông tin truyền thông, an ninh mạng, an ninh kinh tế, an ninh xã hội, an ninh các địa bàn chiến lược.

10.2. Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và phòng chống cháy nổ; đẩy mạnh phòng chống, trấn áp các loại tội phạm, tạo chuyển biến tích cực về trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm cuộc sống bình yên cho Nhân dân.

11. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập toàn diện, sâu rộng

11.1. Chủ động, tích cực trong việc mở rộng phát triển quan hệ hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước, trọng tâm thu hút đầu tư vào các ngành trụ cột, đột phá, lĩnh vực tỉnh có lợi thế như: kinh tế biển, năng lượng sạch, du lịch, nông nghiệp đặc thù ứng dụng công nghệ cao và các nguồn vốn ODA vào lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, ứng phó biến đổi khí hậu... Tiếp tục đẩy mạnh

và đổi mới công tác thông tin đối ngoại, quảng bá hình ảnh của Tỉnh, tạo sự đồng thuận cao trong dư luận xã hội đối với hoạt động hội nhập quốc tế.

11.2. Hỗ trợ các doanh nghiệp tận dụng tốt cam kết trong khuôn khổ các FTA, nhất là FTA thế hệ mới.

12. Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội

12.1. Tập trung công tác thông tin tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các hoạt động, sự kiện lớn của đất nước, của tỉnh. Thông tin chủ động, chính xác, kịp thời, toàn diện, đúng đối tượng về các hoạt động chính trị - xã hội, phản ánh tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, công tác chỉ đạo, điều hành của Tỉnh, các vấn đề dân sinh, xã hội... Biểu dương nhân tố tích cực, điển hình tiên tiến. Đấu tranh ngăn chặn hiệu quả thông tin xấu, độc. Xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng quyền tự do ngôn luận, vi phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

12.2. Tiếp tục phát huy hiệu quả công tác phối hợp giữa các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp để thực hiện tốt công tác dân vận, quy chế dân chủ cơ sở, thông tin truyền thông, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn hệ thống chính trị, phấn đấu thực hiện tốt Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Tiếp tục tập trung cao nhất cho công tác phòng, chống dịch, chuyển trạng thái thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 sang giai đoạn mới phải đảm bảo an toàn, hiệu quả, từng bước ổn định sản xuất, kinh doanh, đời sống của Nhân dân và trật tự an toàn xã hội. Quán triệt phương châm hành động, phát huy tối đa các mặt tích cực đã làm được trong năm 2021, khẩn trương khắc phục các tồn tại, hạn chế; nghiêm túc triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả và toàn diện hơn các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 02/12/2021 của Tỉnh ủy, Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh và Kế hoạch này về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm toàn diện trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện Kế hoạch này.

- **Trước ngày 20/01/2022**, xây dựng, ban hành các văn bản cụ thể triển khai thực hiện Kế hoạch này, trong đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và phân công đơn vị chủ trì, gửi về Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo tại cuộc họp thường kỳ UBND tỉnh tháng 01 năm 2022.

- Chỉ đạo, điều hành có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp; thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đề ra; chủ động xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh. Về định kỳ báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch: **Trước ngày 15 hằng tháng và trước ngày 10 của tháng cuối quý** (đối với báo

cáo quý, 6 tháng, 9 tháng) và **trước ngày 10/11/2022** (đối với báo cáo năm) báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch này, gửi về Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Các Sở ngành và địa phương theo dõi sát diễn biến trong tỉnh và cả nước, định kỳ hàng quý phân tích, đánh giá, dự báo, cập nhật kịch bản tăng trưởng của ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý gửi về Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, cập nhật kịch bản tăng trưởng chung của Tỉnh.

2. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Ninh Thuận chủ động phối hợp với các Sở ngành và địa phương tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Kế hoạch này.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục duy trì tổ chức các hội nghị chuyên đề với các Sở, ngành và địa phương để kịp thời chỉ đạo xử lý những vấn đề vướng mắc phát sinh; đồng thời, duy trì các phiên họp hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm để đánh giá tình hình và đề ra các biện pháp đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022./.

(Gửi kèm Phụ lục 1, 2, 3, 4)



CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022

Đạt hành kèm theo Quyết định số 21 /QĐ-UBND ngày 10 /01/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022 HĐND tỉnh giao	Mục tiêu phấn đấu năm 2022 của Tỉnh	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
1	Tốc độ tăng trưởng (GRDP)	%	10 - 11	10 - 11	Cục Thống kê chủ trì phối hợp các Sở ngành
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%		3 - 4	
	- Công nghiệp - xây dựng	%		15 - 16	
	Trong đó: + Công nghiệp	%		16 - 17	
	+ Xây dựng	%		14 - 15	
	- Dịch vụ	%		10 - 11	
	- Thuế sản phẩm	%		10 - 11	
2	GRDP bình quân đầu người	Triệu đ/người	78 - 79	78 - 79	Cục Thống kê chủ trì phối hợp các Sở ngành
3	Cơ cấu kinh tế				Cục Thống kê chủ trì phối hợp các Sở ngành
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	27 - 28	27 - 28	
	- Công nghiệp - xây dựng	%	40 - 41	40 - 41	
	- Dịch vụ	%	32 - 33	32 - 33	
4	Tỷ trọng đóng góp năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào GRDP	%	37,6	37,6	Sở KHCN
5	Tốc độ tăng năng suất lao động	%	10,04	10,04	Sở LĐTB&XH
6	Tỷ trọng đóng góp của kinh tế biển vào GRDP	%	40,6	40,6	Sở KH&ĐT
7	Tỷ trọng kinh tế số đóng góp vào GRDP	%	12,0	12,0	Sở TTTT
8	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	3.490	3.490	
	- Thu nội địa	Tỷ đồng	2.990	2.990	Cục Thuế
	- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	Tỷ đồng	500	500	Chi cục Hải quan
9	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	30.000 - 30.500	30.000 - 30.500	Sở KH&ĐT
10	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều theo chuẩn mới giảm	%	1,5 - 2	1,5 - 2	Sở LĐTB&XH
11	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí xây dựng nông thôn mới	%	66 - 68	66 - 68	Sở NN&PTNT
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Xã	4 - 5	4 - 5	Sở NN&PTNT
12	Tỷ lệ trường phổ thông đạt chuẩn Quốc gia	%	55 - 56	55 - 56	Sở GD&ĐT
13	Đào tạo nghề	Lao động	9.000	9.000	Sở LĐTB&XH
14	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	64 - 65	64 - 65	Sở LĐTB&XH
	Trong đó: Có bằng cấp, chứng chỉ	%	27 - 28	27 - 28	Sở LĐTB&XH
15	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí Quốc gia về y tế	%	95 - 96	95 - 96	Sở Y tế
16	Tỷ lệ che phủ rừng	%	47,1	47,1	Sở NN&PTNT
17	Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng nước sạch ở đô thị và nước hợp vệ sinh ở nông thôn (1)	%	97	97	Sở NN&PTNT, Sở Xây dựng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022 HĐND tỉnh giao	Mục tiêu phần đầu năm 2022 của Tỉnh	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
18	Tỷ lệ các khu, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	100	Sở TN&MT

(1) Theo tên gọi được xác định tại Nghị quyết số 105/NQ-HĐND tỉnh ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỤ THỂ CHO CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC NĂM 2022

Phụ lục kèm theo Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2022	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Một số chỉ tiêu kinh tế			
1	Tỷ lệ nợ xấu	%	< 3	Chi nhánh NHNN
2	Tỷ lệ động viên vào NSNN	%	> 7,5	Cục thuế
3	Tỷ trọng chi thường xuyên/tổng chi NSDP	%	57,9	Sở Tài chính
4	Tỷ trọng chi đầu tư phát triển/tổng chi NSDP	%	41,2	Sở Tài chính
5	Tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	120	Sở Công thương
6	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GRDP	%	64-65	Sở KH&ĐT
II	Một số chỉ tiêu về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy tăng trưởng			
7	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	> 20	Sở Công thương
8	Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	15-16	Sở Công thương
9	Tăng trưởng thị trường thương mại điện tử B2C	%	17-20	Sở Công thương
10	Tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử	%	30-35	Sở Công thương
III	Một số chỉ tiêu về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng			
11	Điện sản xuất	Triệu Kwh	7.000	Sở Công thương
	Tốc độ tăng	%	> 11,4	
12	Điện thương phẩm	Triệu Kwh	800	Sở Công thương
	Tốc độ tăng	%	7-8	
13	Diện tích nhà ở bình quân	m ² sàn/người	22	Sở Xây dựng
14	Tỷ lệ đô thị hóa	%	40	Sở Xây dựng
15	Số thuê bao điện thoại cố định và trả sau trên 100 dân	Thuê bao	16,0	Sở TT&TT
16	Số thuê bao Internet trên 100 dân	Thuê bao	97,5	Sở TT&TT
17	Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang	%	70,0	Sở TT&TT
18	Tổng số điểm phục vụ bưu chính	Điểm	> 102	Sở TT&TT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2022	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
IV	Một số chỉ tiêu về phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, xây dựng nông thôn mới; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội			
19	Đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người	150	Sở LĐTB&XH
20	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	%	95	Sở LĐTB&XH
21	Tỷ lệ tham gia BHXH tự nguyện	%	3,51	Sở LĐTB&XH
22	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm thất nghiệp	%	95	Sở LĐTB&XH
23	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	92	Sở Y tế
24	Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	Số bé trai/100 bé gái	< 112	Sở Y tế
25	Số bác sỹ/1 vạn dân	Bác sỹ	10,4	Sở Y tế
26	Số dược sỹ đại học/1 vạn dân	Người	≥ 2,4	Sở Y tế
27	Tỷ suất tử vong trẻ em < 1 tuổi	‰	< 10	Sở Y tế
28	Tỷ suất tử vong trẻ em < 5 tuổi	‰	< 15	Sở Y tế
29	Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi thể nhẹ cân còn	%	12,4	Sở Y tế
30	Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi còn	%	22,4	Sở Y tế
31	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vacxin	%	> 95	Sở Y tế
32	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí Quốc gia về y tế	%	95 - 96	Sở Y tế
33	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ làm việc	%	93,2	Sở Y tế
34	Tỷ lệ chất thải rắn y tế được xử lý đúng quy định	%	100	Sở Y tế
35	Tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch	%	98,75	Sở Xây dựng
36	Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	97	Sở NN&PTNT
37	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý	%	98,05	Sở Tài nguyên Môi trường
38	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí xây dựng nông thôn mới	%	66 - 68	Sở NN&PTNT
	- Số xã đạt tiêu chí xây dựng nông thôn mới	Xã	2 - 3	Sở NN&PTNT
39	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Xã	4 - 5	Sở NN&PTNT
40	Ngăn chặn, xử lý nghiêm, kịp thời các thông tin xấu, độc, sai sự thật mà phát hiện và xác minh được trên mạng xã hội.	%	70 - 80	Sở TT&TT
V	Một số chỉ tiêu về cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh			

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2022	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
41	Chỉ số cải cách hành chính (Par-Index)	Bậc	Tăng 10 bậc so với năm 2021	Sở Nội vụ
42	Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS)	%	> 85	Sở Nội vụ
43	Tỷ lệ tinh giản biên chế viên chức (hưởng lương từ ngân sách nhà nước)	Biên chế	Giảm 235 biên chế so với năm 2021	Sở Nội vụ
44	Tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng đối với toàn bộ các gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh thuộc lĩnh vực hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực xây lắp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng ¹	%	100	Sở KH&ĐT

¹Trừ trường hợp đối với gói thầu chưa thể tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng hoặc các gói thầu có tính đặc thù.



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 3

CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21 /QĐ-UBND ngày 10 /01/2022 của UBND tỉnh)

STT	Nhiệm vụ	Thời gian trình	Thẩm quyền phê duyệt/ban hành	Cơ quan chủ trì	Tên văn bản
I	Ngành Nông nghiệp				
1	Kế hoạch Phát triển Ninh Thuận thành trung tâm tôm giống chất lượng cao của cả nước năm 2022 và đến 2025	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Kế hoạch
II	Ngành Công thương				
2	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, khởi công dự án Tổ hợp điện khí LNG Cà Ná giai đoạn 1 - 1.500MW	Năm 2022	UBND tỉnh	Sở Công Thương	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư
3	Kế hoạch đẩy nhanh tiến độ hoàn thành hòa lưới 471 MW và khởi công 699 MW các dự án năng lượng tái tạo	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Công Thương	Kế hoạch
4	Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết phát triển Ninh Thuận trở thành Trung tâm Năng lượng tái tạo, Năng lượng sạch của cả nước	Quý II/2022	UBND tỉnh	Sở Công Thương	Kế hoạch
5	Kế hoạch thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Tháng 2/2022	UBND tỉnh	Sở Công Thương	Kế hoạch
III	Ngành Xây dựng				
6	Đề án và Nghị quyết về phát triển kinh tế đô thị, trọng tâm là xây dựng Phan Rang-Tháp Chàm thành thành phố thông minh, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh	Trong tháng 5/2022	BCH Đảng bộ tỉnh	Sở Xây dựng	Nghị quyết
7	Đề án Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Quốc gia Ninh Chữ đến năm 2040	Trước ngày 20/10/2022	BTV TU; HĐND tỉnh	Sở Xây dựng	Nghị quyết
IV	Tài nguyên Môi trường				

STT	Nhiệm vụ	Thời gian trình	Thẩm quyền phê duyệt/ban hành	Cơ quan chủ trì	Tên văn bản
8	Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 28/9/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng thực hiện chủ trương xây dựng và phát triển Ninh Thuận “xanh-sạch-đẹp” giai đoạn 2012-2015 và những năm tiếp theo” gắn với tổng kết 04 năm thực hiện Chỉ thị 48-CT/TU ngày 21/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chủ trương xây dựng và phát triển Ninh Thuận “xanh-sạch-đẹp-văn minh” đến năm 2020 và những năm tiếp theo và ban hành Chỉ thị chỉ đạo thực hiện giai đoạn tiếp theo.	Trước ngày 25/8/2022	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Sở Tài nguyên và Môi trường	Báo cáo; Chỉ thị
V	Đầu tư phát triển				
9	Đánh giá 30 năm phát triển từ Ngày tái lập tỉnh	Trước ngày 15/3/2022	BCH Đảng bộ tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Báo cáo
10	Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050	Trước ngày 15/6/2022	Thủ tướng CP; BCH Đảng bộ tỉnh; HĐND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quyết định; Kết luận; Nghị quyết
11	Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 31/2016/QH14 ngày 22/11/2016 ngày 22/11/2016 của Quốc hội về dừng thực hiện chủ trương đầu tư Dự án Điện hạt nhân trên địa bàn tỉnh	Tháng 01/2022	BCH Đảng bộ tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Báo cáo
12	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia	Trước ngày 20/6/2022	BTV TU; HĐND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Nghị quyết
VI	Tài chính - Ngân hàng				
13	Sơ kết 5 năm thực hiện Chương trình hành động số 152-CTr/TU, ngày 21/9/2017 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước	Trước 15/9/2022	BCH Đảng bộ tỉnh	Sở Tài chính	Báo cáo
VII	Giáo dục Đào tạo				
14	Tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 29/6/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và ban hành Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và phân luồng học sinh sau Trung học cơ sở giai đoạn 2021-2030	Trước ngày 15/7/2022	BCH Đảng bộ tỉnh	Sở GDĐT	Báo cáo; Chỉ thị
VIII	Y tế				

STT	Nhiệm vụ	Thời gian trình	Thẩm quyền phê duyệt/ban hành	Cơ quan chủ trì	Tên văn bản
15	Nghị quyết đào tạo Bác sỹ y tế cơ sở và chuyên ngành hiếm ngành y tế tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 - 2025	Quý II/2022	HĐND tỉnh; UBND tỉnh	Sở Y tế	Nghị quyết, Quyết định
16	Nghị quyết quy định một số chính sách, nội dung chi và mức chi đặc thù cho công tác y tế - dân số trên địa bàn tỉnh	Quý IV/2022	HĐND tỉnh; UBND tỉnh	Sở Y tế	Nghị quyết, Quyết định
IX	Lao động, việc làm, an sinh xã hội				
17	Đề án thực hiện công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh	Tháng 01/2022	UBND tỉnh	Sở LĐTBXH	Đề án
X	Văn hóa - Dân tộc - Thể thao - Thông tin truyền thông				
18	Kế hoạch tổ chức kỷ niệm 30 năm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh sau Ngày tái lập tỉnh gắn với 47 năm giải phóng Ninh Thuận (16/4/1975-16/4/2022) và giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1954-30/4/2022)	Trước ngày 20/01/2022	Ban Thường vụ Tỉnh uỷ	Sở VH TTDL	Kế hoạch
19	Chi thị về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	Tháng 9/2022	Ban Thường vụ Tỉnh uỷ	Sở TTTT	Chi thị
XI	Quản lý nhà nước				
20	Nghị quyết quy định chính sách ưu đãi để thu hút, trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các ngành, lĩnh vực trụ cột, trọng điểm, mang tính đột phá của tỉnh	Quý IV/2022	HĐND tỉnh	Sở Nội vụ	Nghị quyết
21	Đề án xây dựng thành phố Phan Rang - Tháp Chàm trở thành thành phố thông minh giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030	Quý I/2022	UBND tỉnh	UBND thành phố PRTC	Đề án



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHIỆM VỤ CHỦ YẾU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA TỈNH ỦY, HĐND TỈNH
VỀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2022**

(Ban hành kèm Quyết định số 21 /QĐ-UBND ngày 10 /01/2022 của UBND tỉnh)

STT	Nhiệm vụ	Thời gian trình	Thẩm quyền phê duyệt/ban hành	Cơ quan chủ trì	Tên văn bản
I Nông nghiệp và Phát triển nông thôn					
1	Kế hoạch ưu tiên hỗ trợ sản phẩm nông, lâm thủy sản xuất khẩu: - Kế hoạch lựa chọn đối tượng ưu tiên (sản phẩm, vùng sản xuất, doanh nghiệp, HTX tham gia xuất khẩu,...). - Kế hoạch ưu tiên hỗ trợ chuyển đổi số trong nông nghiệp: Xây dựng và vận hành các phần mềm quản lý thủy sản, lâm nghiệp, chăn nuôi và thú ý; hoàn thiện hồ sơ trình Cục trồng trọt cấp mã số 05 vùng trồng trọt; công nhận ít nhất 02 doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao. - Kế hoạch hỗ trợ các sản phẩm ưu tiên xuất khẩu	Quý II/2022	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quyết định
2	Kế hoạch hỗ trợ theo chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn (QĐ 65, 11, 15) và thu hút đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NQ 19)	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Kế hoạch
3	Kế hoạch xây dựng các liên kết giữa doanh nghiệp với các tổ chức của nông dân (Hợp tác xã, Tổ hợp tác) trong sản xuất, tiêu thụ bao gồm cả việc hỗ trợ, khuyến khích tham gia các hội chợ, tuần lễ giới thiệu sản phẩm nông sản gắn với triển khai thực hiện hiệu quả cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"	Quý II/2022	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quyết định
4	Triển khai thực hiện Đề án phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn hiệu quả có giá trị kinh tế cao năm 2022 và đến 2025	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Kế hoạch
5	Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn mới	Quý III/2022	HĐND tỉnh; UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Nghị quyết; Quyết định
6	Quy trình vận hành hệ thống thủy lợi Tân Mỹ-Hồ Sông Cái	Quý IV/2022	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quyết định
7	<i>Cơ cấu lại lĩnh vực trồng trọt</i>				
	- Kế hoạch sản xuất nông nghiệp gắn với chuyển đổi cơ cấu cây trồng từng vụ của năm 2022 và chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện	Đầu vụ sản xuất	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Kế hoạch
	- Quyết định về việc giao chỉ tiêu kế hoạch triển khai mô hình sản xuất cánh đồng lớn năm 2022 trên địa bàn tỉnh và chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quyết định

STT	Nhiệm vụ	Thời gian trình	Thẩm quyền phê duyệt/ban hành	Cơ quan chủ trì	Tên văn bản
	- Quyết định về việc phê duyệt giá giống cây trồng và thuốc bảo vệ thực vật đối với một số cây trồng chính phục vụ chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2022 trên địa bàn tỉnh	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quyết định
8	<i>Cơ cấu lại lĩnh vực chăn nuôi</i>				
	- Triển khai Quy định khu vực không cho phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được cho phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Kế hoạch
	- Kế hoạch triển khai tháng vệ sinh, tiêu độc khử trùng môi trường các đợt trong năm 2022	Năm 2022	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Kế hoạch
	- Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và thủy sản năm 2022	Tháng 01/2022	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Kế hoạch
	- Kế hoạch quốc gia phòng chống bệnh viêm da nổi cục trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2022-2030	Tháng 01/2022	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Kế hoạch
9	<i>Cơ cấu lại lĩnh vực thủy sản</i>				
	- Kế hoạch phát triển nuôi thủy sản trên biển	Quý II/2022	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Kế hoạch
	- Quy định khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quyết định
10	<i>Cơ cấu lại lĩnh vực lâm nghiệp</i>				
	- Chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trồng sang mục đích khác để phục vụ các dự án phát triển kinh tế xã hội có sử dụng rừng	Cả năm	HĐND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Nghị quyết
	- Quy định tạm thời cho thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng trên địa bàn tỉnh	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quyết định
	- Khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quyết định
	- Đơn giá cây giống phục vụ các chương trình, dự án phát triển trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quyết định
11	<i>Cơ cấu lại lĩnh vực thủy lợi và phòng chống thiên tai</i>				
	- Quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ tại 03 trạm thủy văn Phước Bình, Phước Hà và Phước Hữu	Quý II/2022	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quyết định
	- Quy định về quản lý, vận hành, sử dụng khu khai thác khoáng sản và khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực và công trình hạ tầng kỹ thuật khác bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.	Quý III/2022	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quyết định

STT	Nhiệm vụ	Thời gian trình	Thẩm quyền phê duyệt/ban hành	Cơ quan chủ trì	Tên văn bản
	- Kế hoạch của tỉnh về giảm nhẹ rủi ro thiên tai lấy trẻ em làm trung tâm 2022	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Kế hoạch
12	<i>Xây dựng nông thôn mới</i>				
	- Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Kế hoạch
	- Kế hoạch thực hiện Chương trình OCOP năm 2022	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Kế hoạch
	- Phê duyệt bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch nông thôn năm 2021 (phục vụ công tác thẩm định tiêu chí NTM)	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quyết định
	- Quy định điều kiện và tiêu chí lựa chọn hợp tác xã nông nghiệp được thụ hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm	Quý II/2022	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quyết định
	- Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 theo các mức độ đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu	Tháng 5/2022	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quyết định
	- Bộ tiêu chí về thôn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 theo các mức độ đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu	Tháng 5/2022	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quyết định
13	<i>Quản lý chất lượng Nông, lâm sản và Thủy sản</i>				
	- Kế hoạch hành động bảo đảm an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2022.	Quý II/2022	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quyết định
	- Sửa đổi, bổ sung Quyết định 68/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành hành quy định phân cấp quản lý ATTP thuộc phạm vi quản lý của ngành nông nghiệp và PTNT	Quý IV/2022	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quyết định
II Công nghiệp					
14	Kế hoạch tổ chức Hội nghị ngành Công thương các tỉnh, thành phố khu vực miền Trung-Tây Nguyên năm 2022.	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Công Thương	Kế hoạch
15	Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết đẩy mạnh phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Quý III/2022	UBND tỉnh	Sở Công Thương	Kế hoạch
16	Quyết định ban hành Quy định về khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành các công trình hạ tầng bảo vệ môi trường đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh	Quý III/2022	UBND tỉnh	Sở Công Thương	Quyết định
17	Nghị quyết Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp	Quý IV/2022	HĐND tỉnh; UBND tỉnh	Sở Công Thương	Nghị quyết
18	Tập trung hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án đầu tư thứ cấp trong các KCN. Đồng thời cương quyết xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật liên quan.	Năm 2022	UBND tỉnh	BQL Khu Công nghiệp	Báo cáo
19	Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, phối hợp, xử lý đẩy nhanh tiến độ triển khai đầu tư hạ tầng và xúc tiến đầu tư vào các KCN Du Long, Phước Nam	Năm 2022	UBND tỉnh	BQL Khu Công nghiệp	Báo cáo

STT	Nhiệm vụ	Thời gian trình	Thẩm quyền phê duyệt/ban hành	Cơ quan chủ trì	Tên văn bản
20	Hoàn thành lập và trình phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Cà Ná; Phối hợp thực hiện hoàn thành các thủ tục pháp lý về quyết định chủ trương đầu tư, triển khai dự án hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Cà Ná.	Năm 2022	UBND tỉnh	BQL Khu Công nghiệp	Báo cáo đề xuất
21	Báo cáo đề xuất, phối hợp, đôn đốc kịp thời công tác triển khai các dự án nhà máy XLNT tập trung trong các KCN, phục vụ tốt công tác xử lý môi trường theo quy định	Năm 2022	UBND tỉnh	BQL Khu Công nghiệp	Báo cáo
22	Phối hợp thực hiện hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư vào KCN	Năm 2022	UBND tỉnh	BQL Khu Công nghiệp	Báo cáo
23	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hỗ trợ các DN trong KCN về KH phòng chống dịch COVID-19 nhằm ổn định hoạt động SXKD, đầu tư xây dựng trong tình hình mới.	Năm 2022	UBND tỉnh	BQL Khu Công nghiệp	Báo cáo
IV Sở Xây dựng					
24	Nghị quyết điều chỉnh Đồ án Quy hoạch chung thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	Trước ngày 25/5/2022	BTV TU; HĐND tỉnh	Sở Xây dựng	Nghị quyết
25	Quyết định phê duyệt điều chỉnh Đồ án Quy hoạch chung thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	Tháng 07/2022	UBND tỉnh	Sở Xây dựng	Quyết định
26	Quyết định phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Quốc gia Ninh Chữ, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2040	Tháng 11/2022	UBND tỉnh	Sở Xây dựng	Quyết định
27	Các đồ án Quy hoạch phân khu Đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch ven biển phía Nam	Trước ngày 15/06/2022	BTV TU; UBND tỉnh	Sở Xây dựng	Quyết định
28	Quyết định phê duyệt quy hoạch và Quyết định ban hành Kế hoạch thực hiện QHPK bãi biển Bình Sơn - Ninh Chữ	Tháng 06/2022	UBND tỉnh	Sở Xây dựng	Quyết định
29	Các đồ án Quy hoạch phân khu Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Quốc gia Ninh Chữ đến năm 2040	Quý IV/2022	BTV TU; UBND tỉnh	Sở Xây dựng	Quyết định
30	Điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh	Trước ngày 10/12/2022	BTV TU; UBND tỉnh	Sở Xây dựng	Quyết định

STT	Nhiệm vụ	Thời gian trình	Thẩm quyền phê duyệt/ban hành	Cơ quan chủ trì	Tên văn bản
31	Nghị quyết và Quyết định điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	Nghị quyết - tháng 11/2022 Quyết định - tháng 12/2022	HĐND tỉnh; UBND tỉnh	Sở Xây dựng	Nghị quyết; Quyết định
IV	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch				
32	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025.	Tháng 01/2022	UBND tỉnh	Sở Công Thương	Kế hoạch
33	Quyết định ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại tỉnh	Quý II/2022	UBND tỉnh	Sở Công Thương	Quyết định
34	Nghị quyết, Quyết định Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch Ninh Thuận trở thành ngành kinh tế mũi nhọn giai đoạn 2021- 2025, tầm nhìn đến năm 2030.	Quý II và Quý III/2022	HĐND tỉnh; UBND tỉnh	Sở VH TTDL	Nghị quyết Quyết định;
35	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ phát triển du lịch Ninh Thuận trở thành ngành kinh tế mũi nhọn năm 2022	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở VH TTDL	Kế hoạch
36	Kế hoạch triển khai thực hiện các giải pháp kích cầu du lịch Ninh Thuận 2022	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở VH TTDL	Kế hoạch
37	Kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực du lịch giai đoạn 2022 -2025	Quý II/2022	UBND tỉnh	Sở VH TTDL	Kế hoạch
V	Giao thông Vận tải				
38	Quy định về giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh (Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 44/2012/QĐ-UBND ngày 17/8/2016)	Quý IV/2022	UBND tỉnh	Sở GTVT	Quyết định
39	Quy định về phân cấp quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh	Quý IV/2022	UBND tỉnh	Sở GTVT	Quyết định
VI	Tài nguyên và Môi trường				
40	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án, Nghị quyết về tăng cường công tác quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Kế hoạch
41	Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình và Nghị quyết thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn tỉnh	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Kế hoạch
42	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm và bứt phá thuộc lĩnh vực quản lý đất đai năm 2022 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Kế hoạch
43	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm và bứt phá thuộc lĩnh vực môi trường năm 2022 trên địa bàn tỉnh	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Kế hoạch

STT	Nhiệm vụ	Thời gian trình	Thẩm quyền phê duyệt/ban hành	Cơ quan chủ trì	Tên văn bản
44	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm và bút phá thuộc lĩnh vực khoáng sản năm 2022 trên địa bàn tỉnh	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Kế hoạch
45	Quy định cơ chế thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.	Năm 2022	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Quyết định
46	Triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thời kỳ 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và kế hoạch sử dụng đất năm 2022	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Kế hoạch
47	Kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện thời kỳ 2021-2025 và kế hoạch sử dụng đất năm 2022	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Kế hoạch
48	Nghị quyết phê duyệt danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh	Quý III/2022	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Nghị quyết
49	Hoàn thành công tác thống kê đất đai năm 2021.	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Báo cáo
50	Kế hoạch và triển khai thực hiện công tác đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn tỉnh năm 2022.	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Kế hoạch
51	Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của ngành.	Năm 2022	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Báo cáo
52	Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án tăng thu ngân sách từ đất đai.	Năm 2022	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Báo cáo
53	Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án phát triển quỹ đất trên địa bàn tỉnh.	Năm 2022	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Đề án
54	Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, nhất là các dự án trọng điểm, cấp bách.	Năm 2022	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Báo cáo
55	Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.	Năm 2022	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Chương trình
56	Triển khai thực hiện các công việc tiếp theo của Dự án thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Ninh Thuận và tổ chức cắm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển	Năm 2022	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Quyết định, Phương án
57	Tiếp tục triển khai thực hiện Dự án xây dựng phần mềm và cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường biển tỉnh.	Năm 2022	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Báo cáo
58	Kế hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Ninh Thuận năm 2023.	Quý III/2022	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Kế hoạch
59	Tiếp tục triển khai xử lý nước thải bền vững các xã ven biển; triển khai xử lý rác thải ở khu vực làng nghề, các xã ven biển, dân cư nông thôn gắn với nông thôn mới.	Năm 2022	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Báo cáo
60	Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án quản lý rác thải bền vững tại khu vực bãi biển Bình Sơn - Ninh Chữ.	Năm 2022	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Báo cáo

STT	Nhiệm vụ	Thời gian trình	Thẩm quyền phê duyệt/ban hành	Cơ quan chủ trì	Tên văn bản
61	Tiếp tục hỗ trợ các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới duy trì các tiêu chí về môi trường.	Năm 2022	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Báo cáo
62	Thực hiện các chương trình quan trắc môi trường định kỳ theo quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Năm 2022	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Báo cáo
63	Xây dựng kế hoạch phân vùng sử dụng và hạn ngạch xả nước thải vào sông Cái đến năm 2030.	Năm 2022	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Kế hoạch
64	Xây dựng kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh giai đoạn 2021-2030.	Năm 2022	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Kế hoạch
65	Tiếp tục vận hành hệ thống quan trắc tự động và kết nối dữ liệu từ hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động của các cơ sở.	Năm 2022	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Báo cáo
66	Tiếp tục tham mưu thực hiện các nội dung liên quan đến việc tạm dừng triển khai các dự án titan theo Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh.	Năm 2022	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Báo cáo
67	Tham mưu triển khai thực hiện công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.	Năm 2022	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Báo cáo
68	Công bố danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất khu vực đồng bằng ven biển tỉnh	Năm 2022	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Quyết định
69	Triển khai thực hiện Phương án cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước.	Năm 2022	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Báo cáo
VII Đầu tư phát triển					
70	Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022	Tháng 01/2022	UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quyết định
71	Tổ chức hội nghị gặp mặt Doanh nghiệp đầu năm 2022	Tháng 01/2022	UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hội nghị
72	Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội Quý I và một số nhiệm vụ trọng tâm Quý II/2022	Trước ngày 27/3/2022	BTV TU; UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Báo cáo
73	Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2022	Trước ngày 27/6/2022	BCH Đảng bộ tỉnh; BTV TU UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Báo cáo
74	Nghị quyết Phát triển kinh tế biển giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Tháng 6/2022	HĐND tỉnh; UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Nghị quyết
75	Nghị quyết Huy động nguồn lực ưu tiên xây dựng kết cấu hạ tầng cấp thiết giai đoạn 2021-2025	Tháng 6/2022	HĐND tỉnh; UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Nghị quyết
76	Nghị quyết Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực các ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030	Tháng 6/2022	HĐND tỉnh; UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Nghị quyết

STT	Nhiệm vụ	Thời gian trình	Thẩm quyền phê duyệt/ban hành	Cơ quan chủ trì	Tên văn bản
77	Nghị quyết Đề án phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Tháng 6/2022	HĐND tỉnh; UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Nghị quyết
78	Báo cáo phân tích đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021 và xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình hành động nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022	Quý II/2022	UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quyết định
79	Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hành động 232-CTr/TU ngày 24/10/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 115/NQ-CP của Chính phủ về một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất, đời sống nhân dân giai đoạn 2018-2023	Trước ngày 10/8/2022	BTV TU	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Báo cáo
80	Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội 9 tháng và nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2022	Trước ngày 27/9/2022	BTV TU; UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Báo cáo
81	Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2022, tham mưu ban hành Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023	Trước ngày 27/11/2022	Ban chấp hành TU; HĐND tỉnh; UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Báo cáo
82	Kiểm tra việc thực hiện Kết luận của Tỉnh ủy về Chương trình hành động số 232-CTr/TU ngày 24/10/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 115/NQ-CP của Chính phủ về thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất, đời sống nhân dân giai đoạn 2018-2023	KH trước 09/04/2022 BC trước 30/6/2022	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Kế hoạch; Báo cáo
83	Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050	Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia giai đoạn 2021-2030	UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Kế hoạch
84	Đề án ổn định sản xuất, đời sống nhân dân và phát triển khu dân cư đối với các vị trí trước đây quy hoạch xây dựng Nhà máy điện hạt nhân 1 và 2	Sau khi Bộ Công Thương ban hành quyết định hủy bỏ các quyết định phê duyệt Quy hoạch địa điểm xây dựng nhà máy điện hạt nhân 1 và 2	HĐND tỉnh; UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Nghị quyết; Quyết định

STT	Nhiệm vụ	Thời gian trình	Thẩm quyền phê duyệt/ban hành	Cơ quan chủ trì	Tên văn bản
85	Nghị quyết Kế hoạch giao, bổ sung, điều chỉnh đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của các nguồn vốn	Các kỳ họp trong năm 2022 khi có nhu cầu	HĐND tỉnh; UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tờ trình, Nghị quyết, Quyết định
86	Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2023	Trước ngày 20/11/2022	BTV TU; HĐND tỉnh; UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tờ trình, Nghị quyết, Quyết định
87	Chương trình xúc tiến đầu tư của tỉnh năm 2022	Năm 2022	UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quyết định
VIII Tài chính - Ngân hàng					
88	Chỉ thị về tăng cường các biện pháp quản lý thu ngân sách năm 2022 trên địa bàn tỉnh	Tháng 1/2022	UBND tỉnh	Cục Thuế	Chỉ thị
89	Đánh giá ước thực hiện dự toán thu ngân sách năm 2022, triển khai xây dựng dự toán năm 2023 và tham mưu HĐND, UBND tỉnh giao dự toán NSNN năm 2023	Tháng 12/2022	UBND tỉnh	Cục Thuế	Quyết định
90	Báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của địa phương giai đoạn 2016-2021	Tháng 1/2022	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Báo cáo
91	Nghị quyết về phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách năm 2021	Quý IV/2022	HĐND tỉnh; UBND tỉnh	Sở Tài chính	Tờ trình; Nghị quyết
92	Nghị quyết về phân bổ ngân sách địa phương năm 2023	Quý IV/2022	BTV TU; HĐND tỉnh; UBND tỉnh	Sở Tài chính	Tờ trình; Nghị quyết; Quyết định
93	Nghị quyết về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2023	Trước ngày 20/11/2022	BTV TU; HĐND tỉnh; UBND tỉnh	Sở Tài chính	Tờ trình; Nghị quyết; Quyết định
94	Quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trước ngày 20/11/2022	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Quyết định
95	Quyết định Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023	Tháng 12/2022	TT HĐND tỉnh; UBND tỉnh	Sở Tài chính	Quyết định
96	Quyết định ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Quyết định
97	Báo cáo công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Báo cáo

STT	Nhiệm vụ	Thời gian trình	Thẩm quyền phê duyệt/ban hành	Cơ quan chủ trì	Tên văn bản
98	Tổ chức sơ kết, tổng kết: - Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch 2019/KH-UBND về tăng cường các giải pháp nhằm đảm bảo an toàn hoạt động, củng cố hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. - Kế hoạch thực hiện Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu theo Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 21/9/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận.	Theo chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên và địa phương	UBND tỉnh	NHNN tỉnh	Báo cáo
99	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025.	Theo chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên và địa phương	UBND tỉnh	NHNN tỉnh	Quyết định ban hành Kế hoạch
100	Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	Quý II/2022	UBND tỉnh	NHNN tỉnh	Quyết định ban hành Kế hoạch
IX Sở Giáo dục và Đào tạo					
101	Kế hoạch về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy-học của ngành giáo dục tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2022- 2025, định hướng đến năm 2030.	Quý II/2022	UBND tỉnh	Sở GDĐT	Kế hoạch
102	Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh	Quý II/2022	HĐND tỉnh	Sở GDĐT	Nghị quyết
103	Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định các khoản thu dịch vụ ngoài học phí để phục vụ công tác chăm sóc và giáo dục trẻ theo Chương trình giáo dục mầm non công lập trên địa bàn tỉnh	Quý II/2022	HĐND tỉnh	Sở GDĐT	Nghị quyết
104	Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định nội dung và mức chi các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trên địa bàn tỉnh	Quý II/2022	HĐND tỉnh	Sở GDĐT	Nghị quyết
105	Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định nội dung và mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh	Quý II/2022	HĐND tỉnh	Sở GDĐT	Nghị quyết
106	Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tại các trường tư thục ở địa bàn không đủ trường công lập theo từng năm học trên địa bàn tỉnh	Quý IV/2022	HĐND tỉnh	Sở GDĐT	Nghị quyết
107	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh	Quý III/2022	UBND tỉnh	Sở GDĐT	Chỉ thị
108	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh về tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 và kỳ thi tuyển sinh lớp 10 THPT, THPT chuyên năm 2022 trên địa bàn tỉnh	Quý II/2022	UBND tỉnh	Sở GDĐT	Chỉ thị

STT	Nhiệm vụ	Thời gian trình	Thẩm quyền phê duyệt/ban hành	Cơ quan chủ trì	Tên văn bản
109	Quyết định của UBND tỉnh quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trong năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. (Sau khi Nghị quyết ban hành tại kỳ họp HĐND tỉnh giữa năm 2022)	Quý III/2022	UBND tỉnh	Sở GDĐT	Quyết định
110	Quyết định của UBND tỉnh Quy định các khoản thu dịch vụ ngoài học phí để phục vụ công tác chăm sóc và giáo dục trẻ theo Chương trình giáo dục mầm non công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.(Sau khi Nghị quyết ban hành tại kỳ họp HĐND tỉnh giữa năm 2022)	Quý III/2022	UBND tỉnh	Sở GDĐT	Quyết định
111	Quyết định của UBND tỉnh Quy định nội dung và mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. (Sau khi Nghị quyết ban hành tại kỳ họp HĐND tỉnh giữa năm 2022)	Quý III/2022	UBND tỉnh	Sở GDĐT	Quyết định
112	Quyết định của UBND tỉnh Quy định nội dung và mức chi các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. (Sau khi Nghị quyết ban hành tại kỳ họp HĐND tỉnh giữa năm 2022)	Quý III/2022	UBND tỉnh	Sở GDĐT	Quyết định
113	Quyết định của UBND tỉnh Quy định dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở GDĐT	Quyết định
114	Quyết định của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch và Phương thức tuyển sinh lớp 6 THCS và lớp 10 THPT năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh	Quý II/2022	UBND tỉnh	Sở GDĐT	Quyết định
115	Quyết định của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch và Phương án tổ chức các kỳ thi xét tốt nghiệp, thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đầu cấp THCS, THPT năm 2022 trên địa bàn tỉnh	Quý III/2022	UBND tỉnh	Sở GDĐT	Quyết định
116	Kế hoạch của UBND tỉnh về triển khai thực hiện công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục giai đoạn 2021-2025	Quý II/2022	UBND tỉnh	Sở GDĐT	Kế hoạch
117	Kế hoạch của UBND tỉnh về tập huấn, bồi dưỡng giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông lớp 3, lớp 7, lớp 10 phục vụ năm học 2022-2023	Quý II/2022	UBND tỉnh	Sở GDĐT	Kế hoạch
118	Kế hoạch của UBND tỉnh về triển khai thực hiện công tác xây dựng xã hội học tập, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ giai đoạn 2021-2030.	Quý III/2022	UBND tỉnh	Sở GDĐT	Kế hoạch
X Khoa học - Công nghệ					
119	Nghị quyết về “Chương trình ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”	Tháng 06/2022	HĐND tỉnh	Sở KH&CN	Nghị quyết

STT	Nhiệm vụ	Thời gian trình	Thẩm quyền phê duyệt/ban hành	Cơ quan chủ trì	Tên văn bản
XI	Y tế				
120	Quyết định Quy định đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu và chuyên tuyến khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (thay thế Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 09/3/2017)	Quý II/2022	UBND tỉnh	Sở Y tế	Quyết định
121	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước về hành nghề y, dược tư nhân trên địa bàn tỉnh	Quý IV/2022	UBND tỉnh	Sở Y tế	Quyết định
XII	Lao động, việc làm, an sinh xã hội				
122	Kế hoạch đẩy mạnh công tác Bảo vệ, chăm sóc trẻ em và tăng cường các hoạt động phòng ngừa trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt năm 2022	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở LĐTBXH	Kế hoạch
123	Kế hoạch thực hiện công tác phòng chống mại dâm, cai nghiện ma túy năm 2022	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở LĐTBXH	Kế hoạch
124	Kế hoạch hỗ trợ Doanh nghiệp đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh	Quý II/2022	UBND tỉnh	Sở LĐTBXH	Kế hoạch
XIII	Văn hoá - Dân tộc - Thể thao - Thông tin truyền thông				
125	Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật phục vụ Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022.	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở VH TTDL	Kế hoạch
126	Kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn và các sự kiện lịch sử quan trọng trong năm 2022	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở VH TTDL	Kế hoạch
127	Quyết định xếp hạng di tích cấp tỉnh (dự kiến xếp hạng di tích đình Đông Giang, phường Đông Hải, TP. Phan Rang – Tháp Chàm).	Quý IV/2022	UBND tỉnh	Sở VH TTDL	Quyết định
128	Nghị quyết, Quyết định về việc đặt tên tuyến đường ven biển tỉnh	Quý IV/2022	HĐND tỉnh; UBND tỉnh	Sở VH TTDL	Nghị quyết, Quyết định
129	Chương trình hành động thực hiện Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Sau khi Bộ VH TTDL ban hành Chiến lược	UBND tỉnh	Sở VH TTDL	Chương trình hành động
130	Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh	Quý II/2022	HĐND tỉnh	Ban Dân tộc	Nghị quyết
131	Quyết định ban hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025	Quý III/2022 (Sau khi có các Thông tư hướng dẫn các Bộ, ngành TW)	UBND tỉnh	Ban Dân tộc	Quyết định

STT	Nhiệm vụ	Thời gian trình	Thẩm quyền phê duyệt/ban hành	Cơ quan chủ trì	Tên văn bản
132	Kế hoạch thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 03/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, năm 2022	Quý I/2022	UBND tỉnh	Ban Dân tộc	Kế hoạch
133	Kế hoạch thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015- 2025, năm 2022.	Quý I/2022	UBND tỉnh	Ban Dân tộc	Kế hoạch
134	Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án "Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018 - 2025", năm 2022.	Quý I/2022	UBND tỉnh	Ban Dân tộc	Kế hoạch
135	Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh	Khi có QĐ của TTCP	UBND tỉnh	Ban Dân tộc	Kế hoạch
136	Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, năm 2022.	Quý IV/2022	UBND tỉnh	Ban Dân tộc	Báo cáo
137	Kế hoạch hoạt động Thông tin đối ngoại tỉnh Ninh Thuận năm 2022	Tháng 01/2022	UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Kế hoạch
138	Kế hoạch tổ chức Ngày sách Việt Nam lần thứ 9	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Kế hoạch
139	Kế hoạch triển khai Đề án Truyền thông giai đoạn 2021-2025; thông tin tuyên truyền đề án số hóa	Cả năm	UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Kế hoạch
140	Quyết định ban hành Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận (thay thế Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND ngày 27/6/2018 của UBND tỉnh)	Quý III/2022	UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Quyết định
141	Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu (CSDL) của Tỉnh	Quý III/2022	UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Quyết định
142	Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số năm 2023.	Quý IV/2022	UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Kế hoạch
143	Chi thị về tăng cường công tác quản lý tần số vô tuyến điện trên địa bàn tỉnh	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Chi thị
144	Kế hoạch chỉnh trang, làm gọn cáp viễn thông, truyền hình trên địa bàn tỉnh năm 2022	Quý II/2022	UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Kế hoạch
XIV	Quản lý nhà nước - Nội chính				
145	Kế hoạch tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức lên Chuyên viên, Chuyên viên chính và tương đương năm 2022	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Kế hoạch
146	Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình phát triển thanh niên năm 2022	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Kế hoạch

STT	Nhiệm vụ	Thời gian trình	Thẩm quyền phê duyệt/ban hành	Cơ quan chủ trì	Tên văn bản
147	Kế hoạch triển khai Dự án in bản đồ hành chính cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2022-2023	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Kế hoạch
148	Kế hoạch tổ chức tổng kết công tác thi đua, khen thưởng năm 2021, phát động phong trào thi đua năm 2022	Tháng 02/2022	UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Kế hoạch
149	Kế hoạch tổ chức kỳ thi tuyển công chức năm 2022	Quý II/2022	UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Kế hoạch
150	Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 44/2020/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức	Quý II/2022	UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Kế hoạch
151	Đánh giá, phân tích Chỉ số PAR INDEX, PAPI, SIPAS 2021 của tỉnh	Quý II/2022	UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Báo cáo
152	Sơ kết 05 thực hiện Luật tín ngưỡng, tôn giáo và các văn bản hướng dẫn thi hành tại địa phương	Quý IV/2022	UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Kế hoạch; Báo cáo
153	Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 07- NQ/TU ngày 29/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới	Sau khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện	UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Kế hoạch
154	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Kế hoạch
155	Quy chế Công tác dân vận của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh	Quý I/2022	BCS Đảng UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Quy chế
156	Chi thị tăng cường, đổi mới công tác dân vận của cơ quan hành chính Nhà nước, chính quyền các cấp	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Chi thị
157	Kế hoạch điều chỉnh thu hồi biên chế sự nghiệp giai đoạn 2022-2025	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Kế hoạch
158	Xây dựng và xác định Chỉ số DDCI 2021	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Kế hoạch
159	Thành lập Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại, khuyến công và Du lịch cấp tỉnh	Quý I/2022	Thủ tướng Chính phủ	Sở Nội vụ	Quyết định
160	Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tín ngưỡng, tôn giáo	Quý I/2022	UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Kế hoạch
161	Nghị quyết quy định chính sách trợ cấp thôi việc đối với cán bộ chủ chốt cấp xã và chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức luân chuyển từ tỉnh về huyện, từ huyện về xã	Quý II/2022	HĐND tỉnh	Sở Nội vụ	Nghị quyết
162	Nghị quyết đẩy mạnh công tác cải cách hành chính đến năm 2025	Quý II/2022	HĐND tỉnh	Sở Nội vụ	Nghị quyết
163	Nghị quyết phân bổ biên chế sự nghiệp năm 2022	Quý II/2022	HĐND tỉnh	Sở Nội vụ	Nghị quyết
164	Nghị quyết phân bổ biên chế hành chính, sự nghiệp, biên chế Hội năm 2023	Quý IV/2022	HĐND tỉnh	Sở Nội vụ	Nghị quyết

STT	Nhiệm vụ	Thời gian trình	Thẩm quyền phê duyệt/ban hành	Cơ quan chủ trì	Tên văn bản
165	Giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác cải cách hành chính đến năm 2025	Kế hoạch trước 15/9/2022 Báo cáo trước 10/11/2022	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Sở Nội vụ	- Kế hoạch; Quyết định thành lập Đoàn giám sát; Báo cáo; Thông Báo kết luận
166	Quyết định phê duyệt công tác Tư pháp năm 2022	Tháng 01/2022	UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Quyết định
167	Kế hoạch triển khai công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2022	Tháng 01/2022	UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Kế hoạch
168	Kế hoạch thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022	Tháng 01/2022	UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Kế hoạch
169	Kế hoạch Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Tháng 02/2022	UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Kế hoạch
170	Kế hoạch bồi thường Nhà nước năm 2022	Tháng 02/2022	UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Kế hoạch
171	Kế hoạch cải cách tư pháp năm 2022	Tháng 04/2022	UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Kế hoạch
172	Báo cáo công tác thanh tra năm 2022	Tháng 11/2022	UBND tỉnh	Thanh tra tỉnh	Báo cáo
173	Kế hoạch hoạt động đối ngoại năm 2023	Trước ngày 20/11/2022	BTV TU; UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Kế hoạch
XV	An ninh - Quốc phòng				
174	Chỉ thị của Tỉnh ủy và Chương trình hành động của UBND tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp Đảng đối với nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự và xây dựng lực lượng Công an nhân dân năm 2022	Tháng 01/2022	Tỉnh ủy; UBND tỉnh	Công an tỉnh	Chỉ thị
175	Chỉ thị lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương năm 2023	Tháng 12/2022	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	BCH QS tỉnh	Chỉ thị
176	Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự và xây dựng lực lượng Công an nhân dân năm 2023	Tháng 12/2022	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Công an tỉnh	Chỉ thị
177	Chỉ thị về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ công tác Biên phòng năm 2023	Tháng 12/2022	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	Chỉ thị